

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 41 /2020/DS-ST

Ngày 18 / 08 /2020.

“V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản ”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Xuyên

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông Nguyễn Mạnh Dũng;

2. ông Nguyễn Đăng Bảy;

- Thư ký phiên tòa: ông Trần Thế Vinh – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước: bà Mai Thị Thanh Tâm – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 18 tháng 08 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 104/2020/DS-ST, ngày 22/5/2020 về việc “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, Theo Quyết định đưa ra xét xử số 65/2020 /QĐST-DS ngày 04 tháng 08 năm 2020 giữa các đương sự:

[1]. Nguyên Đơn : Đinh Q S ; sinh năm 1960 (Có mặt)

Địa chỉ : thôn 8, xã Ngh Tr, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước.

[2]. Bị đơn: bà Phạm Th N ; sinh năm 1964 (Có mặt)

Địa chỉ : thôn Bình Lợi, xã Ngh B, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

[3]. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

chị Phan Thị K T; sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ : thôn Bình Lợi, xã Ngh B, huyện B Đ , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 10/4/2020 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn trình bày: Ngày 04/11/2019 Tôi có cho bà Phạm Th N vay số tiền 500.000.000đ, ngày trả cuối cùng là 25/4/2020, sau đó bà Nga và cô Tuyền có trả được 210.000.000đ, nay còn nợ lại 290.000.000đ đến nay chưa trả, lãi thì bà Nga đã trả đến ngày 10/12/2019. Nay nguyên

đơn khởi kiện yêu cầu bà Phạm Th N phải trả toàn bộ số tiền gốc đã vay 290.000.000đ, tiền lãi tính từ ngày 11/12/2019 đến nay theo ngân hàng, tạm tính 20.000.000đ.

Bị đơn bà Phạm Th N trình bày: Tôi có ký vào giấy vay tiền với ông Đinh Q S ngày 04/11/2019 là đúng nhưng tôi ký hộ con gái tôi, tôi nhận tiền mặt từ ông Sứy, tôi nhận hộ con gái tôi và sau đó tôi đã đưa cho con gái tôi, cho nên trách nhiệm trả nợ là con gái tôi là Phan Thị K T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị Phan Thị K T trình bày nội dung : Tôi có vay tiền của ông Sứy 500.000.000đ, tôi có trả được 210.000.000đ, còn lại 290.000.000đ chưa trả , bà Nga không liên quan gì, chỉ là người làm chứng, khi nào được ra tù chị mới trả gốc và lãi cho ông Sứy.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng phát biểu quan điểm khẳng định: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Quá trình chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý đến nay là đúng. Tại phiên tòa Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách tố tụng của các đương sự theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận theo đơn khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Việc thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn là đúng quy định.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp về " Hợp đồng vay tài sản".

Bị đơn cư trú tại huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Căn cứ vào khoản 3 Điều 25, điểm a khoản 1 Điều 33 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

[3]. Xét nội dung khởi kiện của nguyên đơn về số tiền bị đơn đã vay

Xét thấy bị đơn thừa nhận giấy vay tiền ngày 04/11/2019 là đúng, có ký nhận là đúng, có nhận tiền từ ông Sứy là đúng nhưng cho rằng mình chỉ vay hộ cho con gái là Phan Thị K T, chị Tuyền cũng nhận mình là người vay và cũng chịu trách nhiệm trả nợ, không phải mẹ mình là bà Phạm Th N vay như trong giấy tờ mà các bên đã ký nhận, nguyên đơn không thừa nhận việc bà Nga đứng ra vay tiền hộ chị Tuyền, bà Nga và chị Tuyền không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh thực chất chỉ mình chị Tuyền đứng ra vay tiền của ông Sứy vào ngày 4/11/2019 với số tiền vay 500.000.000đ.

Như vậy theo giấy vay tiền ngày 04/11/2019 mà các bên đã ký nhận thì bà Phạm Th N đã vay tiền của ông Sứy đến nay chưa trả hết tiền, còn nợ lại số tiền 290.000.000đ, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền vay, quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bị xâm phạm. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cần buộc bị đơn trả nguyên đơn số tiền đã vay còn lại 290.000.000đ.

Về số tiền lãi: Do có tranh chấp bà Nga không đồng ý trả nợ nên cần áp dụng mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự, từ ngày 11/12/2019 đến nay 18/8/2020 là 8 tháng 7 ngày, cụ thể:

$290.000.000đ \times 0,83\% / 1 \text{ tháng} \times 8 \text{ tháng} 7 \text{ ngày} = 19.817.633đ.$

Tổng cộng số tiền mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 309.817.633đ.

[4]. Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn Bà Phạm Th N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định là:

$309.817.633đ \times 5\% = 15.490.881đ.$

Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.750.000 đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 463, điều 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQUBTVQH 14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí của Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Th N phải trả cho ông Đinh Q S số tiền gốc đã vay còn lại 290.000.000đ, tiền lãi 19.817.633đ, Tổng cộng 309.817.633đ.

[2]. Về án phí: Buộc bị đơn bà Phạm Th N phải nộp tiền án phí DSST là 15.490.881đ. Chi cục Thi hành án huyện Bù Đăng hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.750.000 đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010335 ngày 22/5/2020.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú .

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHA huyện BĐ;
- Đương sự;
- Lưu HS – DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên

